SAO Y;Văn phòng UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
;28.12.2021 11:04

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 22/2021/QĐ-UBND | *Bà Rịa - Vũng Tàu , ngày 19 tháng 12 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 359/TTr-SNN ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc ban hành Quyết định Quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng sử dụng dịch vụ: các tổ chức, cá nhân có sử dụng dịch vụ tại các cảng cá trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng cung cấp dịch vụ: Ban Quản lý các cảng cá trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2. Đối tượng miễn thu**

1. Tàu thuyền của các đơn vị thực hiện công vụ như: biên phòng, quân đội, công an, thanh tra chuyên ngành thủy sản, cảng vụ, hải quan, cứu hộ, cứu nạn cập cảng.

2. Tàu thuyền vào khu vực cảng cá neo đậu để tránh thiên tai.

3. Tàu thuyền, phương tiện vận tải đường bộ vào cảng cá làm công tác từ thiện (cứu hộ, cứu nạn, cấp cứu người bệnh, tai nạn).

**Điều 3. Khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá**

Khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (thuế VAT).

1. Khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá tại huyện Côn Đảo

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 |
|---|---|---|---|---|---|
| I | Tàu thuyền đánh cá cập cảng | | | | |
| 1 | Công suất dưới 90CV | Đồng/lượt | 23.000 | 23.500 | 24.000 |
| 2 | Công suất từ 91-200CV | Đồng/lượt | 30.500 | 31.100 | 32.000 |
| 3 | Công suất trên 200CV | Đồng/lượt | 44.000 | 46.800 | 48.100 |
| II | Phương tiện vận tải ra vào cảng | | | | |
| 1 | Phương tiện vận tải dưới 1 tấn | Đồng/lượt | 4.600 | 4.700 | 5.000 |
| 2 | Phương tiện vận tải từ 1-2,5 tấn | Đồng/lượt | 7.700 | 8.000 | 8.500 |
| 3 | Phương tiện vận tải từ 2,5-5 tấn | Đồng/lượt | 15.100 | 15.700 | 16.000 |
| 4 | Phương tiện vận tải từ 5-10 tấn | Đồng/lượt | 22.600 | 23.100 | 23.800 |
| 5 | Phương tiện vận tải trên 10 tấn | Đồng/lượt | 37.700 | 38.600 | 40.000 |
| III | Hàng hóa qua cảng | | | | |
| 1 | Thủy, hải sản, động vật sống | Đồng/tấn | 22.000 | 22.000 | 22.600 |

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 |
|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Hàng hóa khác | Đồng/tấn | 13.100 | 13.500 | 14.000 |

2. Khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá tại các huyện, thị, thành phố thuộc tỉnh (trừ huyện Côn Đảo)

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 |
|---|---|---|---|---|---|
| I | Tàu, thuyền đánh cá cập cảng | | | | |
| 1 | Công suất dưới 90CV | Đồng/lượt | 56.000 | 51.000 | 46.000 |
| 2 | Công suất từ 91-200CV | Đồng/lượt | 85.000 | 77.000 | 70.000 |
| 3 | Công suất trên 200CV | Đồng/lượt | 141.000 | 128.000 | 116.000 |
| II | Phương tiện vận tải ra vào cảng | | | | |
| 1 | Xe 2 bánh, thô sơ | Đồng/lượt | 3.000 | 3.000 | 2.000 |
| 2 | Phương tiện vận tải dưới 1 tấn | Đồng/lượt | 14.000 | 13.000 | 12.000 |
| 3 | Phương tiện vận tải từ 1 tấn – 2,5 tấn | Đồng/lượt | 28.000 | 26.000 | 23.000 |
| 4 | Phương tiện vận tải từ 2,5 tấn – 5 tấn | Đồng/lượt | 42.000 | 38.000 | 35.000 |
| 5 | Phương tiện vận tải từ 5 tấn – 10 tấn | Đồng/lượt | 56.000 | 51.000 | 46.000 |
| 6 | Phương tiện vận tải trên 10 tấn | Đồng/lượt | 70.000 | 64.000 | 58.000 |
| III | Hàng hóa qua cảng | | | | |
| 1 | Thủy, hải sản, động vật sống | Đồng/tấn | 28.000 | 26.000 | 23.000 |
| 2 | Hàng hóa khác | Đồng/tấn | 11.000 | 10.000 | 9.000 |

**Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan kiểm tra tình hình thực hiện khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý giá.

2. Ban Quản lý các cảng cá trên địa bàn tỉnh

a) Thông báo công khai, niêm yết các thông tin về mức giá, đối tượng thanh toán giá sử dụng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão theo quy định tại Quyết định này.

b) Thu, kê khai, nộp, quản lý, sử dụng các khoản thu theo quy định của pháp luật.

c) Chấp hành các quy định về thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số số 61/2007/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Chế độ thu phí sử dụng cảng cá trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế Tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

***Nơi nhận:***
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Tổng cục Thủy sản;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Đài PT-TH tỉnh; Báo BRVT;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

(6)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Công Vinh**